

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-PT

Ngày 27 - 9 - 2023

V/v “*Tranh chấp lỗi thoát nước*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2023/TLPT-DS ngày 21/8/2023 về việc “*Tranh chấp lỗi thoát nước*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐ-PT ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M; Bà Nhâm Thị V; Bà Đỗ Thị P; Bà Lý Thị T; Ông Đỗ Văn T; Bà Nguyễn Thị H; Bà Phạm Thị T1; Ông Lê Hải T1; Bà Ngô Thị C; Ông Mai Tiến T2; Bà Chu Thị Q

Cùng địa chỉ: Thôn 9 Vải Siêu, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà V, bà P; bà T; ông T; bà H; bà T1; ông T1; bà C; ông T2; bà Q: Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn 9 Vải Siêu, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T3- Có mặt; Bà Nguyễn Thị T2 (Tên gọi khác Thê Thị T2) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 9 Vải Siêu, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3; Bà Nguyễn Thị T2 (Tên gọi khác Thê Thị T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn trình bày:

Tại khu vực thôn 9 Vài Siêu, xã T (đoạn từ Km 6 đến km 6+500 Bảo Yên – Lào Cai QL 70) thuộc thôn 9 Vài Siêu, xã T có 11 hộ dân sinh sống. Có hai nguồn nước đổ về, hai nguồn nước đều từ xã M chảy qua QL 70 qua địa phận nhà Ông Lê Hải T1 đổ xuống ao nhà ông Đặng Thanh T4 (ao của nông trường Trâu sữa trước đây) chảy qua khu dân cư đang sinh sống (nơi 11 nguyên đơn đang sinh sống), xuống lối thoát nước nhà Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2, khu vực này khi các hộ dân san lấp đã đặt cống thoát nước nên không gây ra ngập úng, đối với hộ ông T3 năm 2007 có san lấp một phần ruộng và một phần lối thoát nước, khi lấp đất hộ ông T3 đã đặt cống thoát nước (Cống bi) vì vậy nước thải sinh hoạt của 11 hộ dân và nước mưa, nước trên ao nhà ông T4 chảy về vẫn đảm bảo việc thoát nước khi có mưa to. Năm 2017 bị đơn tiếp tục san lấp lần 2, có đặt cống thoát nước, tuy nhiên do nền đất mới không ổn định dẫn đến tắc cống gây ngập úng khu vực 11 hộ dân và QL 70. Năm 2019 bị đơn san lấp lần 3 không đặt cống thoát nước dẫn đến nước thải sinh hoạt của 11 hộ dân và nước chảy xuống từ ao nhà ông T4 trên thượng nguồn không thoát được, đặc biệt khi có mưa to, các công trình phụ của 11 hộ dân bị ngập úng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và sinh hoạt của các hộ này, không những thế nước còn tràn lên mặt đường quốc lộ 70 gây ngập úng trường Mầm non số 1 T, huyện B. 11 hộ dân đã nộp đơn đề nghị UBND xã T yêu cầu hộ ông T3, bà T2 khắc phục lại lối thoát nước, nhưng hộ ông T3 bà T2 không khắc phục. Vì vậy các nguyên đơn bao gồm 11 hộ dân khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và Bà Nguyễn Thị T2 khôi phục lại lối thoát nước để đảm bảo việc thoát nước thải sinh hoạt cho các nguyên đơn, nước chảy từ trên thượng nguồn xã M qua ao nhà ông T4 và nước mưa khi có mưa lũ.

Bị đơn trình bày:

Đất của bị đơn mua thanh lý của Hợp tác xã không có mương, suối, trước đây bị đơn cấy lúa cũng cho nước chảy tự do làm ao thả cá có đặt cống cho nước chảy, sau đó cống bị sập nên nước ngập lên Quốc lộ 70. Đến khi nhà nước làm cống chạy qua Quốc lộ 70, có để một cửa thoát nước chỗ nhà Ông Nguyễn Văn M và nhà ông N để nước mưa, nước thải của các hộ dân chảy ra. Chỗ giữa nhà ông M, ông N có suối chảy thông từ trong đồi ra cống nhưng đến nay ông M đã lấp mất diện tích thoát nước đó, nay lại khởi kiện bị đơn là vô lý. Địa chính xã, huyện đã xem xét từ đầu nguồn đến cuối nguồn nước, sơ đồ đất không có mương nước. Bị đơn thừa nhận việc lấp đất lên đất ruộng trồng lúa bị đơn không báo cáo Ủy ban nhân dân xã, cấp quản lý nhà nước khác và 11 hộ dân thượng nguồn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 8 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 252 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 9 Luật tài nguyên nước; Điều 57, 171 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và Bà Nguyễn Thị T2 phải khôi phục lại lối thoát nước tự nhiên và nước sinh hoạt của nguyên đơn là 11 hộ dân gồm: Ông Nguyễn Văn M; Bà Nhâm Thị V; Bà Đỗ Thị P; Bà Lý Thị T; Ông Đỗ Văn T; Bà Nguyễn Thị H; Bà Phạm Thị T1; Ông Lê Hải T1; Bà Ngô Thị C; Ông Mai Tiến T2; Bà Chu Thị Q Vị trí lối thoát nước qua các thửa đất trồng lúa số 03, số 08 và đất trồng cây lâu năm số 32, tờ bản đồ số 154, tại thôn 9 Vài Siêu, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Lối thoát nước đi qua phần đất của bị đơn có chiều rộng 1m, chiều dài là 59,8m, chiều sâu đảm bảo cho việc thoát nước. (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 08/8/2023 Bị đơn ông Nguyễn Trọng T3, Bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Trọng T3 và Bà Nguyễn Thị T2 có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Lối thoát nước tại thôn 9 Vài Siêu, xã T, huyện B để thoát nước chảy từ hai nguồn nước đổ về từ xã M, huyện B, chảy qua QL 70 qua địa phận nhà Ông Lê Hải T1 đổ xuống ao nhà ông Đặng Thanh T4 (ao của nông trường trâu sữa huyện B trước đây) chảy qua khu dân cư đang sinh sống xuống lối thoát nước nhà Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2, chảy tiếp đến khu vực đồng bào người Mông đang ở. Lối thoát nước có chiều rộng khoảng 1m.

Năm 2007 bị đơn ông T3 và bà T2 đã san lấp đất ruộng và lấp đất vào một phần lối thoát nước, khi lấp đất bị đơn có đặt cống (cống bị) để thoát nước mưa, nước trên ao nhà ông T4 chảy về và nước thải sinh hoạt khu vực 11 hộ dân đang sinh sống trên thượng nguồn. Năm 2017 bị đơn san lấp đất lần 2 có đặt cống thoát nước, tuy nhiên do nền đất mới không ổn định nên không đảm bảo cho việc thoát nước, gây ngập úng khu vực 11 hộ dân và quốc lộ 70. Đến năm 2019 bị đơn lấp đất lần 3, không đặt cống thoát nước dẫn đến nước trên thượng nguồn đổ về và nước sinh hoạt của 11 hộ dân không thoát được, khi mưa to nước tràn lên mặt đường quốc lộ 70, gây ngập úng ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống sinh hoạt của 11 hộ dân.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Đào Xuân H, ông Nguyễn Hữu H, ông Phan Đình C, ông Nguyễn Tiến T đều trình bày: Khu vực nguồn nước đang tranh chấp là do ông Nguyễn Hữu H khai hoang từ năm 1982, tại đất ông H khai hoang có 01 mương nước rộng khoảng 1m dùng để thoát nước chảy từ xã M qua quốc lộ 70 xuống ao đội sản xuất nông trường, chảy qua cạnh ruộng nhà ông H và ruộng của Hợp tác xã. Đến năm 1985 ông H không sử dụng nữa và Hợp tác xã T quản lý lại khu đất trên. Năm 1986 ông T3 mua thanh lý toàn bộ đất của Hợp tác xã T. Đến năm 2007 Ông Nguyễn Trọng T3 san đồi lấp đất lên một phần mương nước, nước vẫn thoát được. Năm 2019 ông T3 lấp toàn bộ phần mương nước còn lại và không đặt cống thoát nước dẫn đến khi mưa to nước ngập toàn bộ khu vực của 11 hộ dân đang sinh sống.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2023 của TAND huyện B đã xác định vị trí lối thoát nước chảy qua khu vực giáp với đất của bị đơn có chiều rộng 1m, chiều dài là 59,8m, nằm trên các thửa đất số 3, 8, 32 tờ bản đồ số 54 tại địa chỉ: Thôn 9, Vài Siêu, xã T, huyện B. Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 3, 8, 32 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Trọng T3, bà Thế Thị T2.

Theo biên bản xác minh đối với bà Phí Thị H – Hạt trưởng Hạt 4, quốc lộ 70 thuộc Công ty cổ phần đường bộ 242 thể hiện: Năm 2017 công ty đường bộ đã đặt cống thoát nước cho quốc lộ 70 mục đích là thoát nước cho đường. Khu vực bản 9, Vài Siêu, xã T trước đây có rãnh nước thải theo lối thoát qua đất nhà ông T3, công trình phụ của các hộ dân thấp hơn đáy của cống chìm quốc lộ 70 nên nước thải của các hộ dân không thoát ra cống chìm của quốc lộ 70 được. Hiện nay khu vực 11 hộ dân không thoát được nước thải sinh hoạt, nước mưa là do hộ ông T3 lấp lối thoát nước. Ngoài ra, tại biên bản xác minh đối với ông Vi Văn N - Cán bộ địa chính xã và ông Ma Văn C - Chủ tịch UBND xã T ngày 13/6/2023 đã xác

định, ông T3 và bà T4 đang sử dụng 03 thửa đất nông nghiệp gồm thửa số 3, 8 đất trồng lúa, thửa số 32 đất trồng cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 154. Bị đơn đã tự ý san lấp đất làm ruộng, đất trồng cây lâu năm và không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, không báo với chính quyền địa phương. Bị đơn đã san lấp đất 03 lần: Lần 1 năm 2007, có đặt cống thoát nước; Lần 2 san lấp năm 2017 có đặt cống thoát nước, tuy nhiên do nền đất mới không ổn định dẫn đến tắc cống gây ngập úng khu vực 11 hộ dân và QL 70. Năm 2019 bị đơn san lấp lần 3 không đặt cống thoát nước. Hành vi vi phạm luật đất đai của bị đơn đã bị UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính ngày 16/12/2021 và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai ngày 17/12/2021, xử phạt Ông Nguyễn Trọng T3 là 3.500.000 đồng, yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, bị đơn đã nộp số tiền trên xong vẫn chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Như vậy, có căn cứ khẳng định trước khi ông T3, bà T2 san lấp đất ruộng đã có đường nước chảy tự nhiên qua phần đất giáp đất của ông T3, bà T2. Từ năm 2007 bị đơn lấp đất lên lối thoát nước và đặt cống thoát nước, nước thải sinh hoạt của nguyên đơn và nước mưa, nước nguồn chảy về vẫn thoát được. Đến năm 2017 và năm 2019 bị đơn tiếp tục lấp đất vào lối thoát nước chặn toàn bộ đường thoát nước dẫn đến tình trạng ngập úng, gây ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của nguyên đơn.

Theo Điều 252 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu của bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy”*.

Tại khoản 4 Điều 9 Luật Tài nguyên nước quy định các hành vi bị nghiêm cấm: *“...Đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở cho việc thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch”*.

Căn cứ vào quy định trên, việc bị đơn tự ý lấp đất lên ruộng và đường thoát nước tự nhiên gây ngập úng cho nguyên đơn đã ảnh hưởng đến quyền thoát nước qua bất động sản liền kề. Trước khi các nguyên đơn khởi kiện, UBND xã T đã có rất nhiều biên bản làm việc giữa các hộ dân, quá trình làm việc Chủ tịch UBND xã đều yêu cầu bị đơn phải khắc phục hiện trạng tránh gây ngập úng cho các hộ dân nhưng bị đơn vẫn không chấp hành. Ngoài ra, hành vi vi phạm của bị đơn đã bị UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2021. Vì vậy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và bà Nguyễn Thị T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí phúc thẩm:

Bị đơn Ông Nguyễn Trọng T3 và Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001733 ngày 08/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân